

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2025
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh và bà Nguyễn Thị Tơ;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐ-HNGĐ ngày 08/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Việt H**, sinh năm: 1969

Địa chỉ thường trú: Ấp PT, xã H, huyện X, tỉnh B.

Nơi ở hiện tại: Ấp PL, xã H, huyện X, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th** (Đỗ Thị H1), sinh năm: 1970

Địa chỉ thường trú: Thôn S, xã T, huyện H, tỉnh B1.

Nơi ở hiện tại: Ấp PT, xã H, huyện X, tỉnh B

- Người bảo vệ, quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông **Bùi Đức Q**, sinh năm 1979, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Thuận Lý, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Địa chỉ: 577 Phạm Văn Đồng, Phường PT, Tp. B2, tỉnh B

(Ông H, bà Th, ông Q có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Việt H trình bày: Ông và bà Th đăng ký kết hôn ngày 02/10/1990 tại UBND thị trấn Đồng Nai, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau, bà Th kiểm soát ông quá mức. Từ năm 2021, cả hai mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Từ đầu năm 2024 thì cả hai không sống

chung với nhau cho đến nay. Nay ông không còn tình cảm với bà Th nữa, cả hai không còn khả năng hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Th. Trích lục kết hôn thể hiện người đăng ký kết hôn với ông là Đỗ Thị H1 bởi lý do trước đây bà Th có tên là Đỗ Thị H1, do quá trình chuyển chỗ ở nhiều nơi, việc khai báo cư trú bị nhầm lẫn, do đó, tên gọi Đỗ Thị H1 bị sai sót thành Nguyễn Thị Th. Thực tế Đỗ Thị H1 và Nguyễn Thị Th là một người.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà Th (Đỗ Thị H1) có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1991, Nguyễn Hoàng H3, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1996. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th (Đỗ Thị H1) trình bày như sau: Bà và ông H đăng ký kết hôn ngày 02/10/1990 tại UBND thị trấn Đồng Nai, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống, ông H đi làm ăn bên ngoài nên phát sinh tình cảm với những người phụ nữ khác, bà có góp ý khuyên nhủ thì ông H đánh đập bà. Gần đây ông H ngoại tình với người phụ nữ khác nên thường xuyên bạo hành bà hơn, từ đầu năm 2024, ông H đã đuổi bà khỏi nhà, do đó, cả hai không còn sống chung với nhau. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2024, bà Th đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Việt H, sau đó thay đổi ý kiến. Tại phiên tòa, bà Th đồng ý ly hôn với ông H.

Bà xác định tên thật của bà là Đỗ Thị H1, sinh năm 1970, còn tên Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970 theo CCCD hiện tại là tên bị sai sót do quá trình di chuyển chỗ ở nhiều nơi, khai báo thông tin bị nhầm lẫn. Bà khẳng định người tên Đỗ Thị H1, sinh năm 1970 theo Trích lục kết hôn do UBND thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng cấp và người tên Nguyễn Thị Th có CCCD số 036170011571 là cùng một người.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông H có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1991, Nguyễn Hoàng H3, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1996. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, bà Th trình bày về vấn đề tài sản chung, nợ chung bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc

chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, ông Nguyễn Việt H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th (Đỗ Thị H1); Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Việt H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th (Đỗ Thị H1) nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Th (Đỗ Thị H1) có nơi cư trú tại Suối Bang, Thăng Hải, Hàm Tân, Bình Thuận, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 11/11/2024, bà Th mới nộp đơn yêu cầu phản tố là không phù hợp với quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên không có căn cứ để xem xét. Ngày 09/4/2025, Toà án nhân dân huyện Hàm Tân đã có thông báo trả lại đơn phản tố và tổng đạt hợp lệ cho bà Th, bà Th xác nhận đã nhận được và không có ý kiến.

[4] Các đương sự thống nhất trình bày bà Nguyễn Thị Th và bà Đỗ Thị H theo trích lục kết hôn số 333/1990/TLKH-BS ngày 15/5/2023 là một người. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, nguyên đơn cung cấp giấy khai sinh của hai con chung Nguyễn Thị Thu H2 và Nguyễn Hoàng H3 thể hiện hai con chung có cha là Nguyễn Việt H và mẹ là Đỗ Thị H1. Đối với giấy khai sinh của con chung Nguyễn Thị Thuỳ Tr, do thất lạc nên không thể cung cấp cho Toà án. Quá trình giải quyết, Toà án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ từ các cơ quan chuyên môn, theo Công văn số 690/CAQ-QLHC ngày 21/02/2025 của Công an quận 12 xác định bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr có cha là Nguyễn Việt H và mẹ là bà Nguyễn Thị Th; Công văn số 2974/CATP-QLHC của Công an thành phố Bà Rịa xác nhận bà Nguyễn Thị Thu H2 có cha là Nguyễn Việt H và mẹ là bà Đỗ Thị H1; Phiếu trả lời của Công an huyện Xuyên Mộc xác định ông Nguyễn Hoàng H3 có mẹ là Nguyễn Thị Th. Ông Nguyễn Hoàng H3 và bà Nguyễn Thị Thu H2 cũng có lời khai xác định bà Nguyễn Thị Th là mẹ ruột của họ. Xác minh tại địa phương thể hiện từ trước đến nay ông Nguyễn Việt H chỉ sống cùng bà Nguyễn Thị Th và có 03 người con Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Hoàng H3 và Nguyễn Thị Thuỳ Tr, bà Th có tên gọi khác là H1. Ngoài ra, bà Th

cũng từng liên hệ với UBND xã Thắng Hải để điều chỉnh họ tên nhưng không thực hiện được. Đồng thời, thông tin cơ sở dữ liệu dân cư cũng như các bản khai nhân khẩu tại cơ quan có thẩm quyền đều thể hiện bà Nguyễn Thị Th có chồng là Nguyễn Việt H; Tại xã Tân Thắng, xã Thắng Hải không có người nào tên Đỗ Thị H1 có chồng là Nguyễn Việt H. Như vậy, có căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970, CCCD số 036170011571 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1970 theo trích lục kết hôn số 333/1990/TLKH-BS ngày 15/5/2023 của UBND thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng cấp là một người.

[5] Bà Nguyễn Thị Th (Đỗ Thị H1) và ông Nguyễn Việt H có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đồng Nai, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng), số đăng ký kết hôn 333/1990 ngày 02/10/1990 trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[6] Bà Th (Đỗ Thị H1) và ông H thống nhất trình bày trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Cả hai không sống chung với nhau từ đầu năm 2024 đến nay và không có khả năng hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, ở phần tranh tụng, bà Th đồng ý ly hôn với ông H. Do đó, cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về con chung: ông H và bà Th (Đỗ Thị H1) có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1991, Nguyễn Hoàng H3, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1996. Các đương sự thống nhất trình bày con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 19, 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt H đối với bà Nguyễn Thị Th (Đỗ Thị H1) về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th (Đỗ Thị H1).
2. Về con chung: Không xem xét giải quyết
3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
4. Án phí: Ông Nguyễn Việt H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0010933 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Ông H đã nộp đủ.
5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Cát Tiên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

